Chi tiết mã HS 8407.29.90

Mã HS	8407.29.90
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:25:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84072990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	10.5	10,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12877
Thuế NK ưu đãi (MFN)	7	7%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12877
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12877
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12154
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12097
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12097
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12097
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12097
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12097
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12097
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	AJ!E12149
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	5	AJ!F12149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12149
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12149
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12149
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12149
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	VJ!E12150
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F12150
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12150
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12150
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12150
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12150
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12153
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12103
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12109
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12109
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12109
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12109
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12109
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12109
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12142
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12142
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12142
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12142
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12142
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12142
VCFTA	2022	2022	5	VC!D12187
VCFTA	2023	2023	5	VC!E12187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12187
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12187
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12187
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12187
VN-EAEU	2022	2022	1,4	EAV!D12172
VN-EAEU	2023	2023	0,9	EAV!E12172
VN-EAEU	2024	2024	0,5	EAV!F12172
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12172
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12172
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12172
AHKFTA	2022	2022	4	AKH!D12172
AHKFTA	2023	2023	3	AKH!E12172
AHKFTA	2024	2024	3	AKH!F12172
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G12172
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H12172
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12172
EVFTA	2022	2022	3,6	EV-NK!D12189
EVFTA	2023	2023	3,1	EV-NK!E12189
EVFTA	2024	2024	2,7	EV-NK!F12189
EVFTA	2025	2025	2,2	EV-NK!G12189
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H12189
EVFTA	2027	2027	1,3	EV-NK!I12189
UKVFTA	2022	2022	3,6	UKV!D12188
UKVFTA	2023	2023	3,1	UKV!E12188
UKVFTA	2024	2024	2,7	UKV!F12188
UKVFTA	2025	2025	2,2	UKV!G12188

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H12188
UKVFTA	2027	2027	1,3	UKV!I12188
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12135
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12135
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12135
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12135
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12135
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12135
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12135
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12172
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12172
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12172
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12172
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12172
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12172
RCEP B	2022	2022	0	B!D12172
RCEP B	2023	2023	0	B!E12172
RCEP B	2024	2024	0	B!F12172
RCEP B	2025	2025	0	B!G12172
RCEP B	2026	2026	0	B!H12172
RCEP B	2027	2027	0	B!I12172
RCEP C	2022	2022	0	C!D12172
RCEP C	2023	2023	0	C!E12172
RCEP C	2024	2024	0	C!F12172
RCEP C	2025	2025	0	C!G12172
RCEP C	2026	2026	0	C!H12172

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12172
RCEP D	2022	2022	0	D!D12171
RCEP D	2023	2023	0	D!E12171
RCEP D	2024	2024	0	D!F12171
RCEP D	2025	2025	0	D!G12171
RCEP D	2026	2026	0	D!H12171
RCEP D	2027	2027	0	D!I12171
RCEP E	2022	2022	0	E!D12175
RCEP E	2023	2023	0	E!E12175
RCEP E	2024	2024	0	E!F12175
RCEP E	2025	2025	0	E!G12175
RCEP E	2026	2026	0	E!H12175
RCEP E	2027	2027	0	E!I12175
RCEP F	2022	2022	0	F!D12172
RCEP F	2023	2023	0	F!E12172
RCEP F	2024	2024	0	F!F12172
RCEP F	2025	2025	0	F!G12172
RCEP F	2026	2026	0	F!H12172
RCEP F	2027	2027	0	F!I12172
VIFTA	2024	2024	6	VI!F11253
VIFTA	2025	2025	5	VI!G11253
VIFTA	2026	2026	4	VI!H11253
VIFTA	2027	2027	3	VI!I11253

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8407.29 có 2 dòng thuế; dòng 8407.29.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8407.29.20 Công suất không quá 22,38 kW	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8407.29.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 7% của mã 8407.29.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12877), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.